

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TƯ PHÁP



**MỘT SỐ QUY ĐỊNH
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH
CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
ĐẤT ĐAI VỀ HÀNH VI
SỬ DỤNG ĐẤT SAI MỤC ĐÍCH**

*(Theo Nghị định số 123/2024/NĐ-CP
ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính
phủ quy định về xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực đất đai)*



(Ảnh minh họa: Nguồn internet)

NĂM 2026

Giấy phép xuất bản số: 137/GP-SVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2026, khổ giấy 20,5cm x 29,5cm. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Thái Nguyên. Xuất bản phẩm không bán.

Ngày 04/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, có hiệu lực từ ngày 04/10/2024. Nghị định này thay thế Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, với nhiều quy định mới, tăng mức phạt và bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.

I. HÀNH VI SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG LOẠI ĐẤT KHÁC MÀ KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP (theo Điều 8 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP):

1. Hành vi chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp thì hình thức và mức xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích đất dưới 0,5 héc ta;
- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;
- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta;
- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 03

héc ta trở lên.

2. Hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc địa giới hành chính của xã thì hình thức và mức xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất dưới 0,05 héc ta;
 - Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;
 - Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;
 - Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;
 - Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 01 héc ta đến dưới 02 héc ta;
 - Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với diện tích đất từ trên 02 héc ta trở lên.
3. Hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất ở thuộc địa giới hành chính của xã thì hình thức và mức phạt như sau:
- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất từ dưới 0,01 héc ta;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,01 héc ta đến dưới 0,03 héc ta;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,03 héc ta đến dưới 0,05 héc ta;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;

đ) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,1 héc ta trở lên.

Hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc địa giới hành chính của phường thì hình thức và mức xử phạt bằng 02 lần mức phạt tương ứng nêu trên.

Người vi phạm phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai) và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

II. HÀNH VI SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TRỒNG LÚA, KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP MÀ KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP (theo Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP):

1. Hành vi chuyển đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là

đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp (không phải đất ở) thuộc địa giới hành chính của xã thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất dưới 0,05 héc ta;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;

đ) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 01 héc ta đến dưới 02 héc ta;

e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 02 héc ta trở lên.

2. Hành vi chuyển đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất ở thuộc địa giới hành chính của xã thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với diện tích đất từ dưới 0,01 héc ta;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,01 héc ta đến dưới 0,03 héc ta;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,03 héc ta đến dưới 0,05 héc ta;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;

đ) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với diện tích đất từ 0,1 héc ta trở lên.

Hành vi chuyển đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp thuộc địa giới hành chính của phường thì mức xử phạt bằng 02 lần mức phạt tương ứng nêu trên.

Người vi phạm phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai) và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.